TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tran Thi D, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A, đường B, Tổ 2, Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt;

2. Bị đơn: Ông Nguyen Minh C, sinh năm 1986; địa chỉ: Số G, đường H, Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tran Thi D trình bày:

Bà Tran Thi D và ông Nguyen Minh C kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND phường H, thành T, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn bà Tran Thi D và ông Nguyen Minh C sinh sống tại số A, đường B, Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương được 02 năm thì chuyển đến sống tại số G, đường H, Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khoảng 01 năm nay vợ chồng ly thân, ông C về nhà cha mẹ ruột sinh sống còn bà D cùng các con chuyển đến sinh sống tại số M, đường N, Tổ 2, Khu phố 1, phường

H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Mâu thuẫn giữa bà Tran Thi D và ông Nguyen Minh C xảy ra khoảng 03 năm nay, nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không có tiếng nói chung, ông C không lo cho vợ con, không đưa tiền để lo cho các con, tất cả chi phí trong gia đình một mình bà D phải lo còn ông C thường xuyên đi chơi và ghen tuông, có 02 lần bà D đang ngủ ông C đi chơi về gọi dậy và dùng dao đe dọa bà D. Bà D và ông C không nói chuyện được với nhau, mỗi lần nói chuyện là vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mặc dù đã tìm cách hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả, khoảng 01 năm nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn và đã ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Tran Thi D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen Minh C.

Về con chung: Bà Tran Thi D và ông Nguyen Minh C có 02 con chung là cháu Nguyen Hoang P, sinh ngày 20/12/2014 và cháu Nguyen Phương T, sinh ngày 27/09/2018. Bà D yêu cầu nuôi cả hai cháu, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay các cháu đang sống cùng bà D. Bà D đang làm việc tại công ty bao bì giấy TBO có mức lương khoảng 15.000.000 đồng/tháng và thu nhập từ nhà trọ khoảng 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng một tháng. Ngoài ra, bà D còn có nhà riêng đảm bảo để nuôi 02 cháu Nguyen Hoang P và Nguyen Phương T. Ông C làm công việc tự do nên bà D không thể cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập của ông C cho Tòa án.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Tran Thi D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyen Minh C trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bà Tran Thi D đi ăn uống về trễ dẫn đến việc ông Nguyen Minh C ghen, có lần ông C phát hiện bà D đi chung với người nam làm cùng công ty tại một con đường vắng nên ông C ghen. Khi ghen ông C có bực tức nên lấy dao để chặt điện thoại chứ không phải dùng dao để đe dọa bà D. Do nhà riêng của vợ chồng là do cha mẹ vợ cho nên khi ông C và bà D mâu thuẫn, ông C tính bỏ nhà đi một vài ngày nhưng sau đó không hàn gắn được mới dẫn đến việc vợ chồng ly thân đến nay. Bà D cho rằng ông C không lo cho vợ con là không đúng vì trước đây làm ra tiền nhà thiếu gì ông C mua đó đến khi ra kinh doanh riêng, việc làm ăn không thuận lợi nên ông C không có khả năng phụ giúp vợ trong việc lo cho các con. Ông C còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Ông C và bà D có 02 con chung là cháu Nguyen Hoang P và cháu Nguyen Phương T, ông C yêu cầu được nuôi dưỡng một cháu, không yêu cầu bà D cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Tran Thi D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh C và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyen Hoang P, sinh ngày 20/12/2014 và cháu Nguyen Phương T, sinh ngày 27/09/2018; không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyen Minh C không có ý kiến gì và không trình bày gì.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với

những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Tran Thi D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyen Minh C nên đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn ông Nguyen Minh C sinh sống tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tran Thi D và ông Nguyen Minh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2013, quyển số 01/2013 ngày 23/3/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Bà Tran Thi D và ông Nguyen Minh C phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân một năm nhưng không hàn gắn được. Bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông C, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông C. Ông C xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân nhưng ông C còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà D và ông C đều xác định vợ chồng mâu thuẫn và đã ly thân nhưng không hàn gắn được. Ông C cho rằng còn thương vợ con không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương nơi ông C, bà D sinh sống thì hiện nay ông C, bà D không còn sống chung với nhau. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà Tran Thi D và ông Nguyen Minh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tran Thi D về việc ly hôn với ông Nguyen Minh C.

[2.2] Về con chung: Bà Tran Thi D và ông Nguyen Minh C có 02 con chung là cháu Nguyen Hoang P, sinh ngày 20/12/2014 và cháu Nguyen Phương T, sinh ngày 27/09/2018. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyen Hoang P và cháu Nguyen Phương T còn nhỏ, đang cùng sinh sống với bà D, cháu Phúc có nguyện vọng sống với mẹ. Mặt khác, bà D có thu nhập ổn định và có nhà riêng đảm bảo điều kiện nuôi con, ông C không có thu nhập ổn định, không đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, việc giao cháu Nguyen Hoang P và Nguyen Phương T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Tran Thi D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); ông Nguyen Minh C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tran Thi D đối với ông Nguyen Minh C về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tran Thi D được ly hôn với ông Nguyen Minh C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyen Hoang P, sinh ngày 20/12/2014 và cháu Nguyen Phương T, sinh ngày 27/9/2018 cho bà Tran Thi D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Tran Thi D phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002229 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường H;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nga